



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Phân bón Bình Điền

Ngày 30/06/2025	46,650 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.8%	22.0%	21.9%

DT thuần Q2/25
3,535
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 981 38.4%
YoY: ▲ 619 21.2%

LN thuần Q2/25
184
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 46.0 33.1%
YoY: ▼50.0 -21.5%

LN sau thuế Q2/25
148
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 37.0 32.9%
YoY: ▼42.0 -22.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
5.5%
YoY: +/-▼ 0.3%

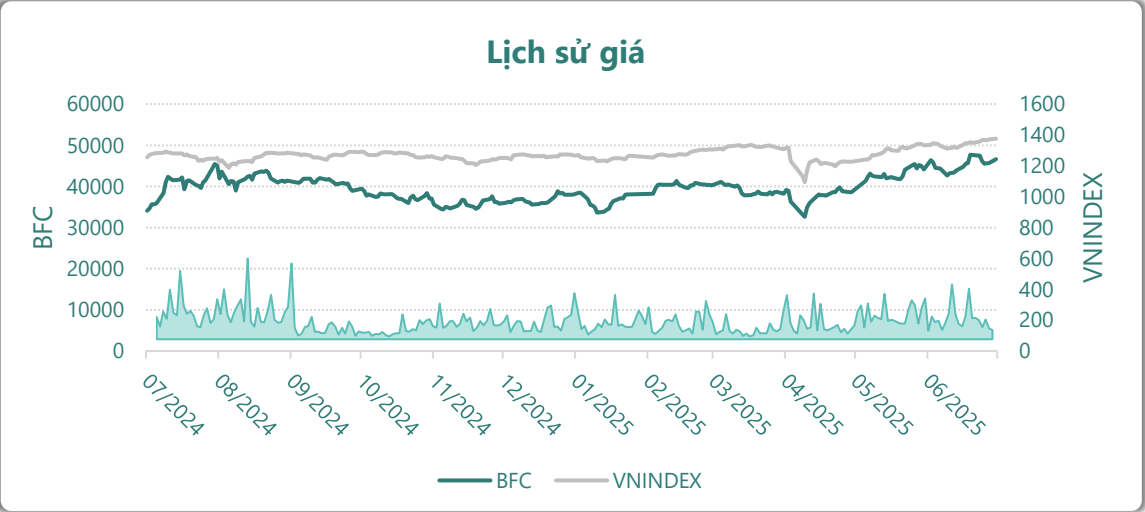
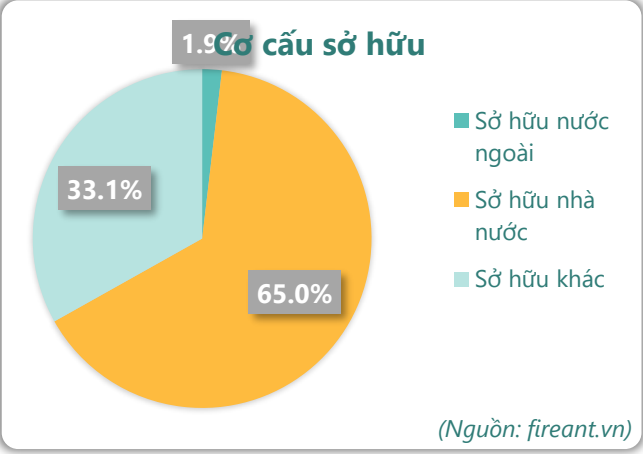
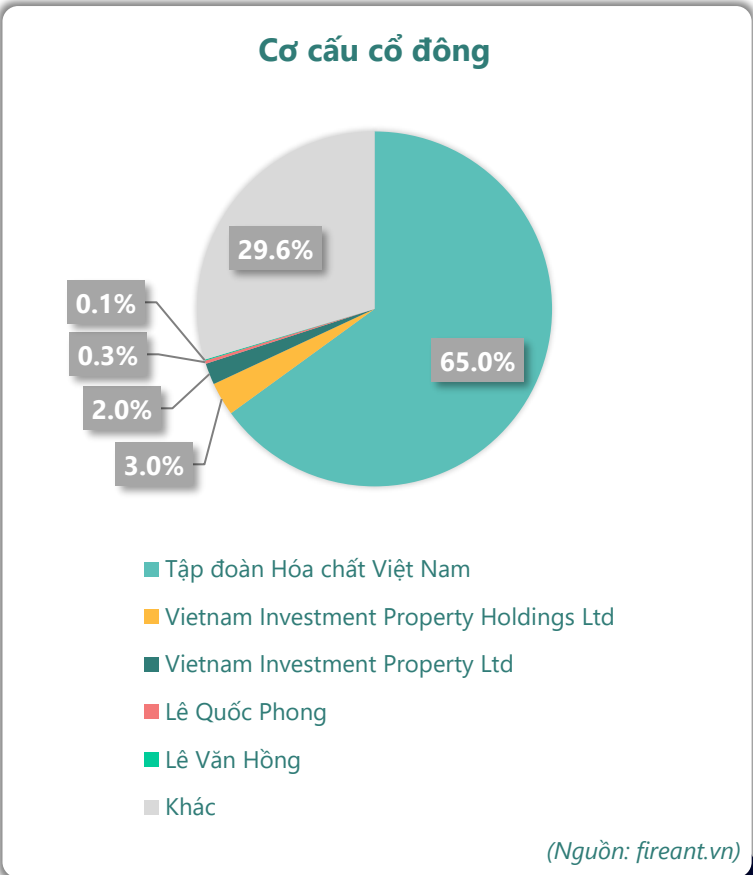
ROE (TTM) Q2/25
22.7%
YoY: +/-▼ 3.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	32,613 - 47,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,667
Số lượng CPLH (CP)	57,167,993
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,146,125
Sở hữu nước ngoài	1.9%
Beta	0.93
EPS	5,845
P/E	8.0

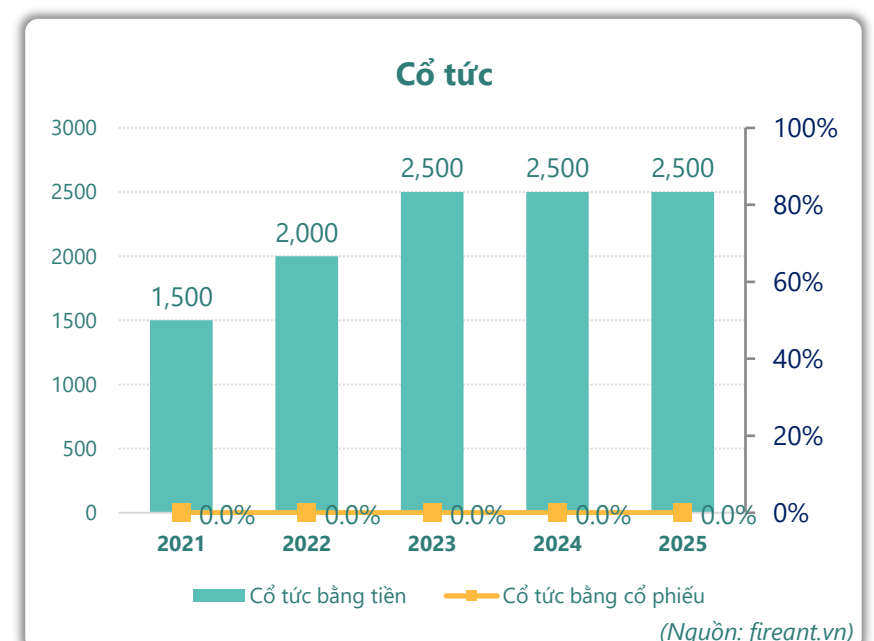
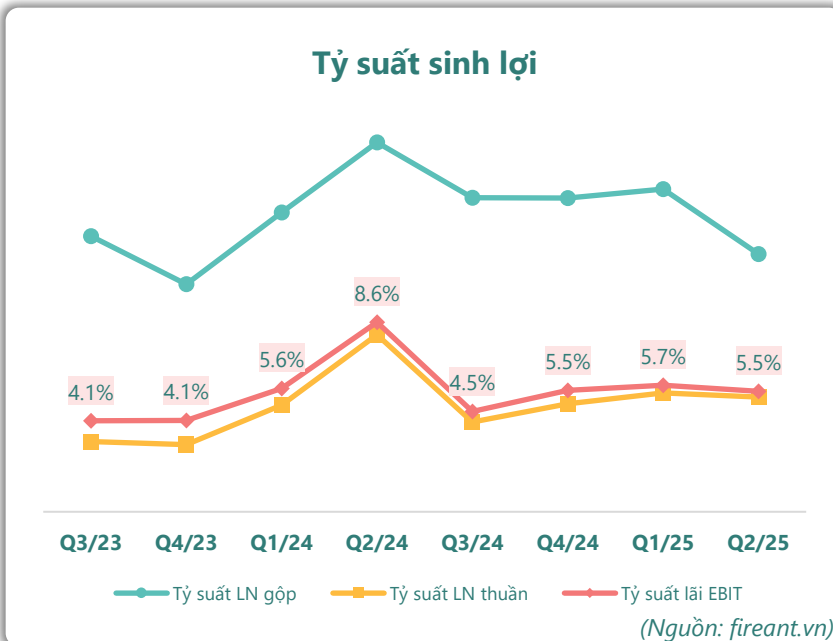
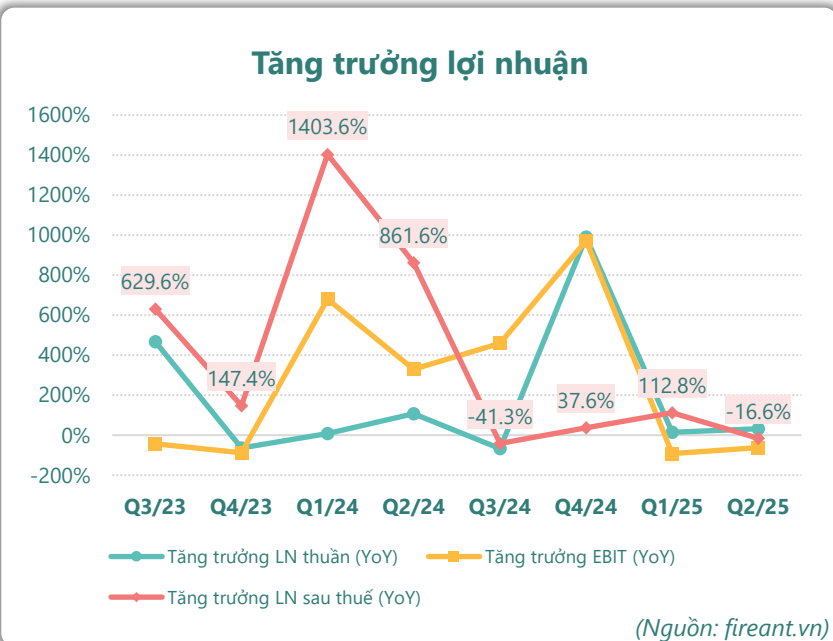
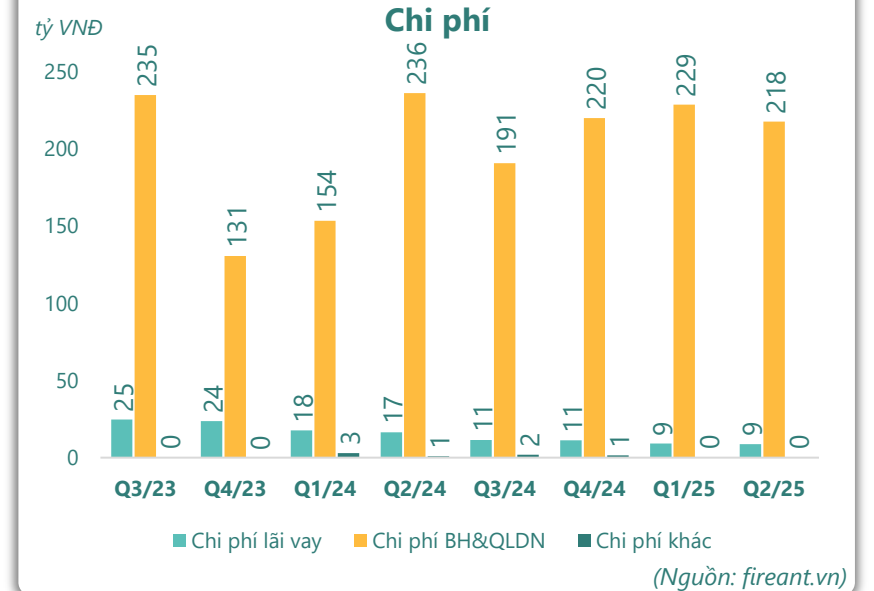
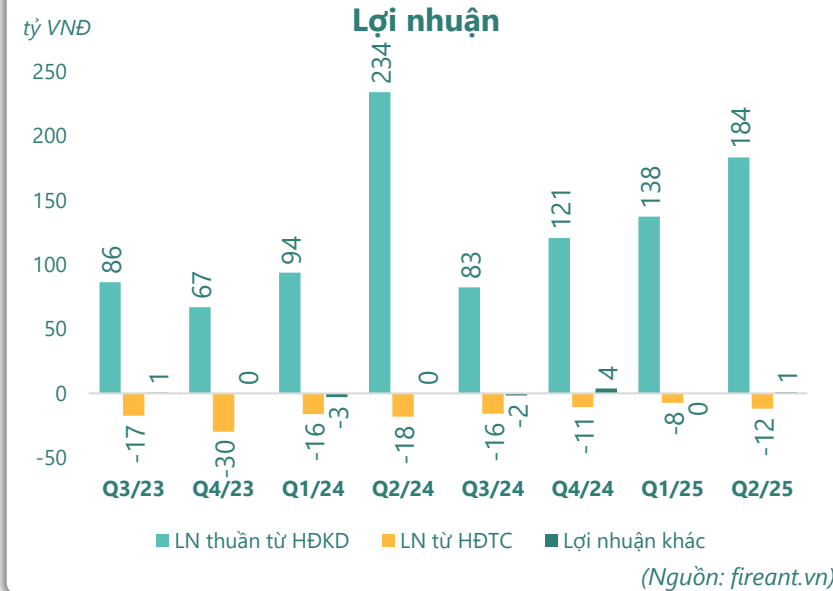
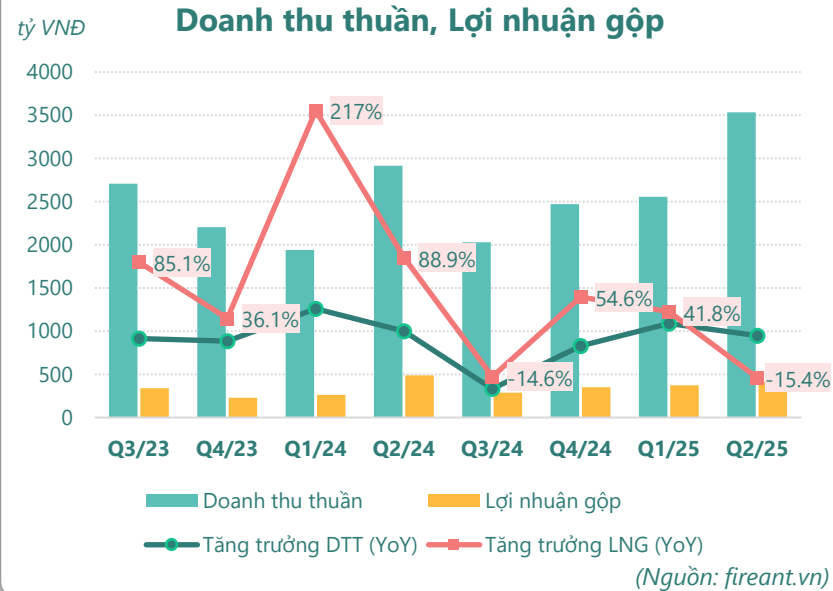
DT thuần 6T 2025
6,089
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,233 25.4%

LN thuần 6T 2025
321
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.00 -2.1%

LN sau thuế 6T 2025
259
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.00 -2.0%



KẾT QUẢ KINH DOANH

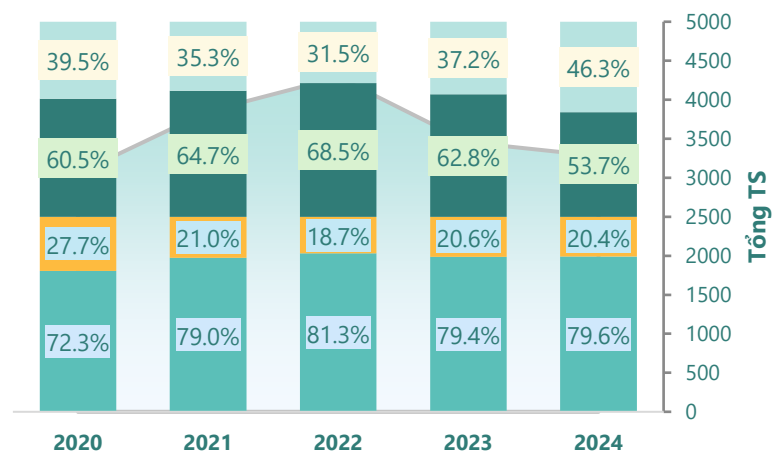




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

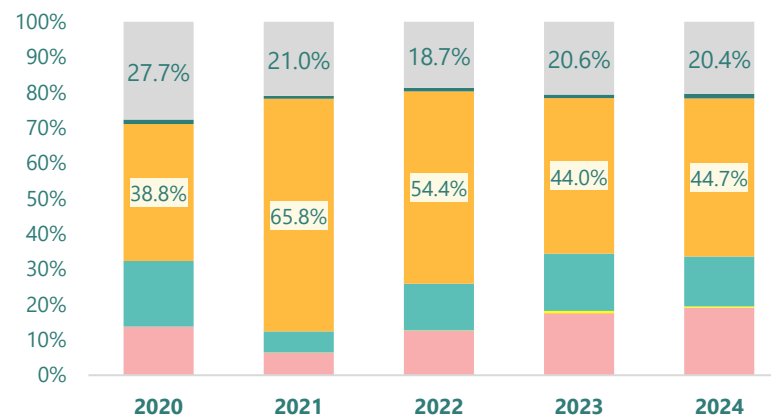
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH
(Nguồn: fireant.vn)

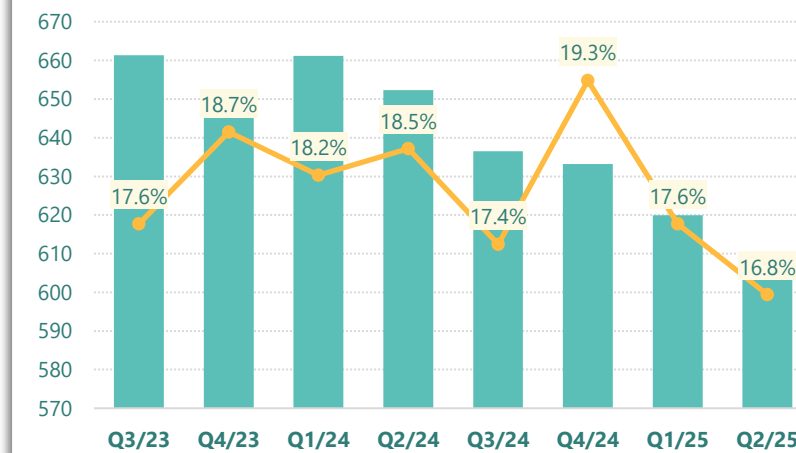
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

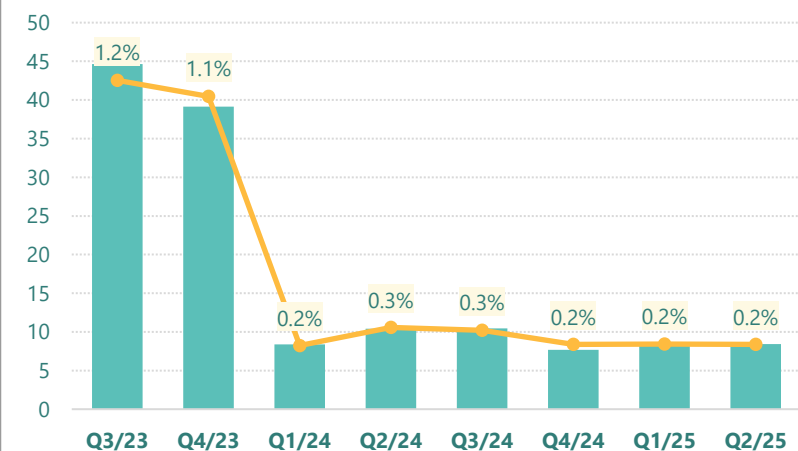
tỷ VNĐ



■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

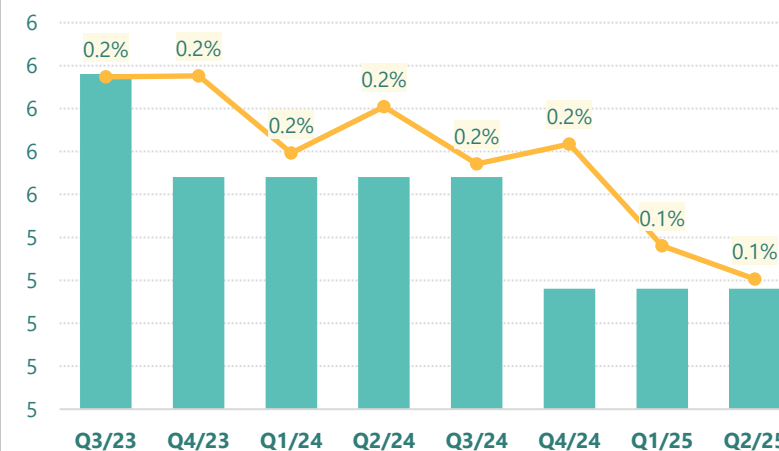
tỷ VNĐ



■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

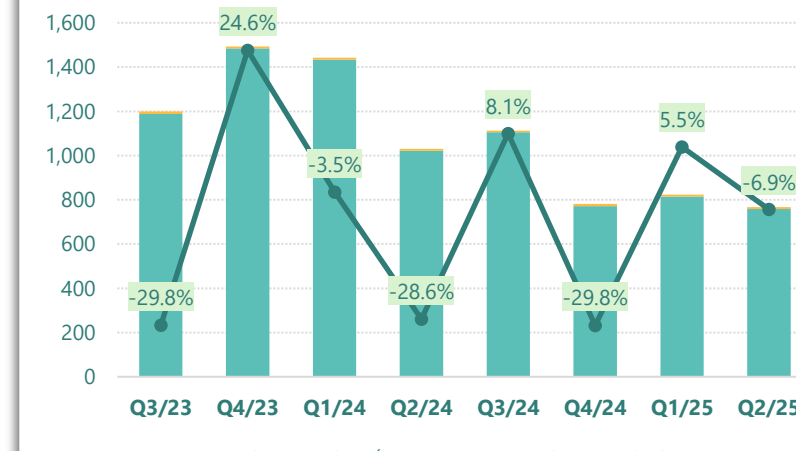
tỷ VNĐ



■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



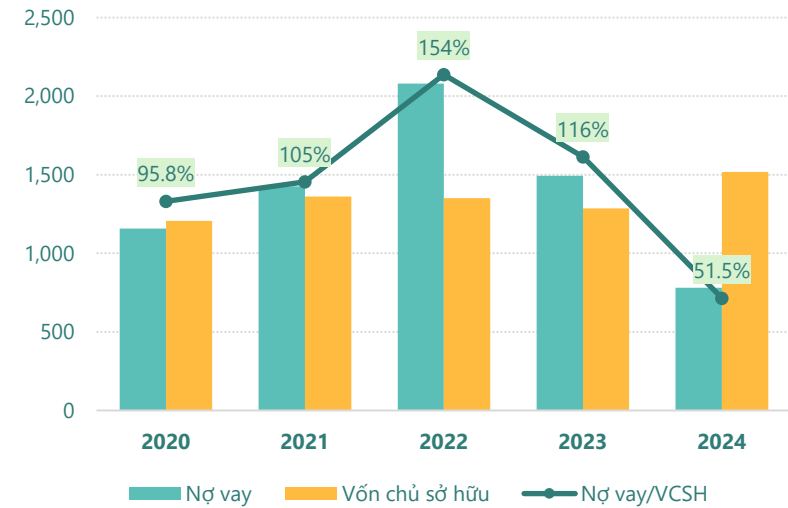
■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn — Tăng trưởng nợ vay
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

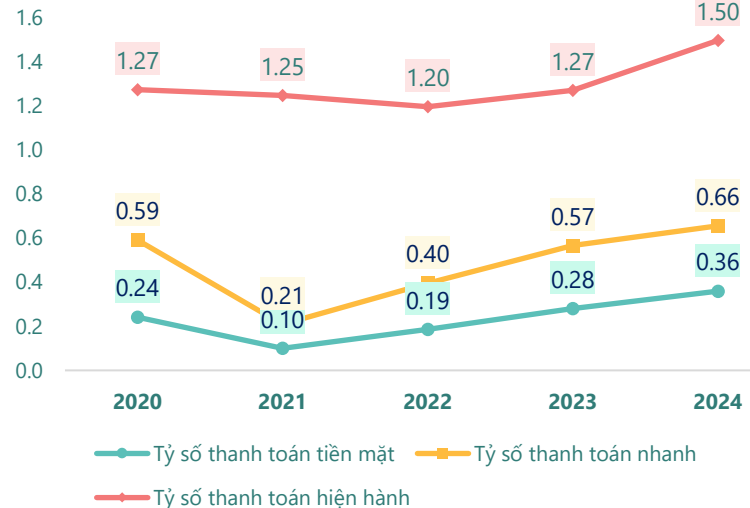
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



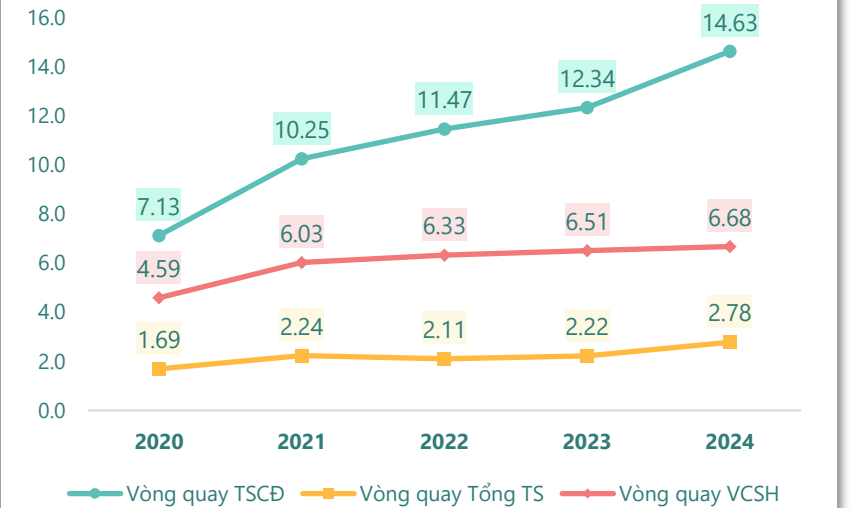
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



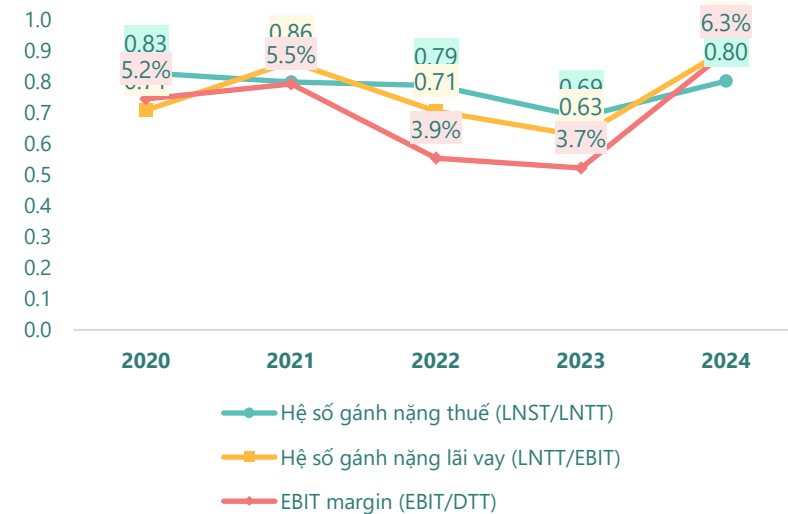
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



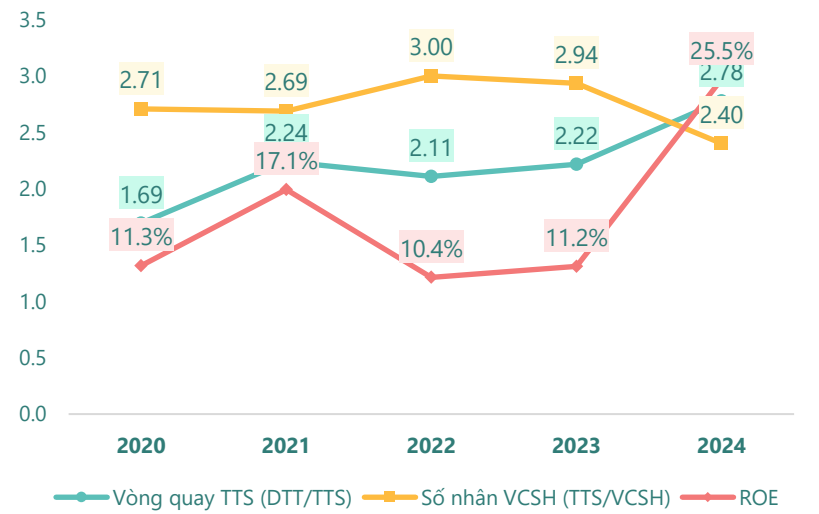
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



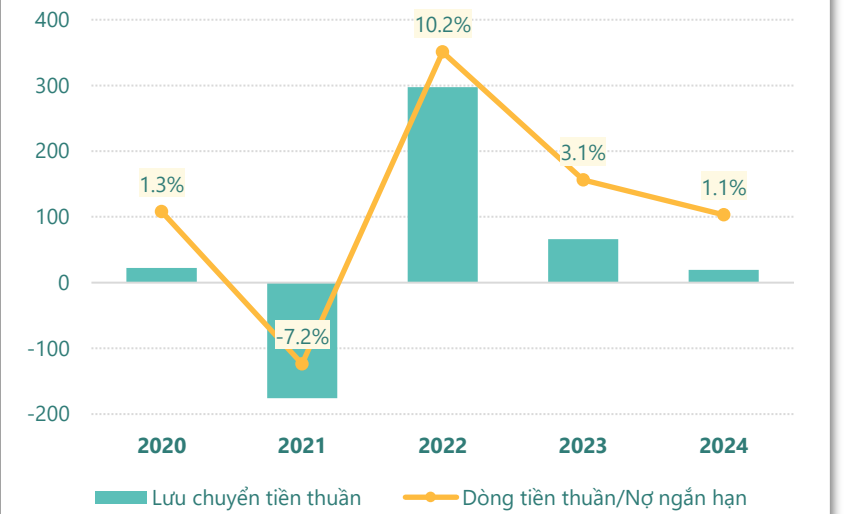
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Đồng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	3,535	2,916	21.2%	6,089	4,856	25.4%
Giá vốn hàng bán	3,121	2,427	28.6%	5,301	4,104	29.2%
Lợi nhuận gộp	413	489	-15.4%	787	752	4.7%
Doanh thu HĐTC	7.68	8.34	-7.9%	12.4	12.7	-2.5%
Chi phí TC	19.7	26.5	-25.8%	31.9	47.0	-32.2%
Chi phí lãi vay	8.75	16.5	-47.0%	17.9	34.2	-47.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	146	184	-20.9%	329	302	8.9%
Chi phí QLDN	72.3	52.8	36.9%	117	87.7	33.8%
LN thuần từ HĐKD	184	234	-21.5%	321	328	-2.1%
Lợi nhuận khác	0.85	0.05	1606%	0.77	-2.74	128%
LN trước thuế	185	234	-21.1%	322	325	-1.0%
Lợi nhuận sau thuế	148	190	-22.4%	259	264	-2.0%
LNST của CĐ cty mẹ	116	168	-31.1%	208	232	-10.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-372	852	-179	621	-291	212
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.14	-36.7	10.8	-7.47	-1.72	-7.72
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-84.4	-539	90.5	-339	25.6	-210
Tiền đầu kỳ	607	153	429	351	627	359
Lưu chuyển tiền thuần	-454	276	-78.0	275	-267	-5.38
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0.03
Tiền cuối kỳ	153	429	351	627	359	354

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,598	3,277	9.8%
Tài sản ngắn hạn	2,968	2,609	13.8%
Tiền và tương đương tiền	354	627	-43.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.50	10.5	-57.1%
Phải thu ngắn hạn	1,144	464	147%
Hàng tồn kho	1,426	1,466	-2.7%
Tài sản ngắn hạn khác	39.1	42.0	-6.8%
Tài sản dài hạn	630	668	-5.8%
Phải thu dài hạn	4.66	4.65	0.2%
Tài sản cố định	605	633	-4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	8.44	7.68	9.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.16	5.16	0.0%
Tài sản dài hạn khác	6.48	17.9	-63.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,044	1,760	16.1%
Nợ ngắn hạn	2,036	1,743	16.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	759	772	-1.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	640	468	36.9%
Nợ dài hạn	8.07	16.9	-52.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.07	9.29	-13.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,553	1,517	2.4%
Vốn chủ sở hữu	1,553	1,517	2.4%
Vốn điều lệ	572	572	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

